

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SON, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Yên

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa: không
Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Quý - Sinh năm: 1976

HKTT: Thôn Bắc Trung, xã Nga Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn 8, xã Hà Vinh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Mai Thị Minh - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn Bắc Trung, xã Nga Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/02/2024 và bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Văn Quý trình bày: anh và chị Mai Thị Minh kết hôn với nhau vào ngày 01/01/1993, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Nga Thành cấp đăng ký kết hôn. Do việc bảo quản giấy tờ không tốt nên anh không còn lưu giữ giấy đăng ký kết hôn. Anh đã đến UBND xã Nga Thành xin sao lại trích lục kết hôn nhưng hiện tại sổ lưu thời kỳ đó không còn. Vì vậy, anh không thể xuất trình giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án được. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2003, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Anh Quý không muốn cuộc sống chung vợ chồng tiếp tục duy trì, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Minh theo quy định; Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Văn Nghiêm,

sinh năm 1994; Trần Thị Trang, sinh năm 1997; Trần Thị Linh, sinh năm 2001. Hiện tại các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Mai Thị Minh: sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Nhưng chị Minh cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự vắng mặt. Sau đó, anh Quý có văn bản đề nghị được vắng mặt tại phiên hòa giải tiếp theo vì lý do công việc anh đang đi làm ăn xa. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo quy định, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử.

Mặc dù chị Minh đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Quý vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng anh vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu. Đối với bị đơn chị Minh được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Quý, chị Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Theo anh Trần Văn Quý trình bày: anh và chị Minh kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Nga Thành cấp đăng ký kết hôn vào ngày 01/01/1993. Vợ chồng chung sống đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra xung đột, cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2003 đến nay. Hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Tuy nhiên, do bảo quản không tốt nên Giấy chứng nhận kết hôn đã mất. Vì vậy, anh Minh không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn giữa anh và chị Minh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Minh theo quy định.

Như vậy, anh Quý trình bày anh và chị Minh kết hôn ngày 01/01/1993, được UBND xã Nga Thành cấp đăng ký kết hôn nhưng anh không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn. Ngoài ra, tại Văn bản số 26/UBND-TP ngày 16/4/2024 của UBND xã Nga Thành do anh Quý giao nộp cho Tòa án thể hiện: hiện nay sổ lưu kết hôn năm 1993 không còn, UBND xã còn sổ lưu kết hôn năm 2000 đến nay; qua tra cứu sổ lưu hộ tịch còn lại tại UBND xã nhưng không có tên ông Trần Văn Quý và bà Mai Thị Minh. Xét thấy, tại thời điểm kết hôn như anh Quý trình bày thì anh Quý chưa đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn và anh Quý không cung cấp được giấy chứng

nhận kết hôn. Do đó, việc trình bày của anh Quý không có căn cứ để xem xét giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, anh Quý và chị Minh chung sống với nhau như vợ chồng trong thời gian dài. Căn cứ Điều 9; Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, xử không công nhận quan hệ của anh Trần Văn Quý và chị Mai Thị Minh là vợ chồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con và tài sản: Anh Quý không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn Quý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Trần Văn Quý và chị Mai Thị Minh là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Trần Văn Quý phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu, ký hiệu BLTU/23, số 0005286, ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn, anh Quý đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyền kháng cáo: Anh Quý, chị Minh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Yến

Nguyễn Văn Hạnh

Lê Thị Huệ